BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …../2026/TT-BCT	*Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2026*

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Năng lượng - Dầu khí;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung cấp, sử dụng và có liên quan đến dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ

1. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống cho sản xuất điện được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm … .

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Năng lượng - Dầu khí, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương (Cục Năng lượng - Dầu khí) để được xem xét, hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, NLDK.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Sơn

Phụ lục I

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN KHÍ THIÊN NHIÊN BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CHO SẢN XUẤT ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Đặc điểm kinh tế

Stt	Tên dịch vụ	Phạm vi công việc cấu thành dịch vụ	Đặc điểm kinh tế cơ bản
1	Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống cho sản xuất điện	Tiếp nhận khí thiên nhiên tại điểm giao nhận đầu vào; vận chuyển bằng hệ thống đường ống đến điểm giao nhận đầu ra để cung cấp cho sản xuất điện. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm xử lý khí, vận hành đường ống, nén khí hoặc điều áp theo cấu hình hệ thống, đo đếm, giám sát chất lượng khí, quản lý vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và bảo đảm an toàn hệ thống…	Dịch vụ gắn với hệ thống đường ống và các công trình phụ trợ, có phạm vi cung cấp được xác định theo điểm giao nhận đầu vào và đầu ra. Quy mô cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua công suất vận chuyển và sản lượng khí vận chuyển. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào chiều dài, cấu hình tuyến ống, điều kiện vận hành, yêu cầu giao nhận và mức độ sử dụng hệ thống.
2	Dịch vụ phân phối khí thiên nhiên cho sản xuất điện	Tiếp nhận khí thiên nhiên từ hệ thống vận chuyển tại điểm giao nhận đầu vào để phân phối qua mạng lưới đường ống và các trạm phân phối đến điểm giao nhận cho các nhà máy điện. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm vận hành mạng lưới đường ống phân phối, điều áp theo cấu hình hệ thống, đo đếm, giám sát chất lượng khí, quản lý vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và bảo đảm an toàn hệ thống phân phối…	Dịch vụ gắn với mạng lưới đường ống và các trạm phân phối khí, có phạm vi cung cấp được xác định theo khu vực phân phối và các điểm giao nhận với nhà máy điện. Quy mô cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua công suất phân phối và sản lượng khí phân phối. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào cấu hình mạng, số lượng và vị trí điểm giao nhận, yêu

Stt	Tên dịch vụ	Phạm vi công việc cấu thành dịch vụ	Đặc điểm kinh tế cơ bản
			cầu áp suất, lưu lượng khí và mức độ sử dụng hệ thống.
3	Dịch vụ điều độ hệ thống khí	Lập và điều chỉnh kế hoạch giao nhận khí; theo dõi, phối hợp và điều hành dòng khí trên hệ thống đường ống để đáp ứng yêu cầu cấp khí cho sản xuất điện trong giới hạn vận hành của hệ thống. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm tiếp nhận thông tin nguồn cung và nhu cầu sử dụng khí, cân đối cung cầu, giám sát thông số vận hành, điều phối lưu lượng, áp suất, phối hợp đơn vị vận hành hệ thống điện, phối hợp xử lý tình huống bất thường và tổng hợp số liệu phục vụ điều độ…	Dịch vụ có tính liên tục và phối hợp trên toàn bộ hệ thống thuộc phạm vi điều độ, gắn với trung tâm điều khiển, hệ thống thông tin, giám sát và thu thập dữ liệu vận hành. Quy mô cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua công suất hệ thống, sản lượng khí và số lượng điểm giao nhận thuộc phạm vi điều độ. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào mức độ liên kết hệ thống, biến động nguồn cung và phụ tải điện, yêu cầu cân đối khí và độ tin cậy vận hành.

Phạm vi dịch vụ

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ được xác định theo điểm giao nhận đầu vào, điểm giao nhận đầu ra và công việc thuộc trách nhiệm của bên cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

2. Các hoạt động vận hành, điều áp, đo đếm, giám sát chất lượng, quản lý an toàn, bảo dưỡng và sửa chữa… là công việc cấu thành dịch vụ tương ứng, không mặc nhiên được xác định là dịch vụ độc lập.

3. Trường hợp cung cấp kết hợp các dịch vụ, xác định rõ phạm vi công việc của từng dịch vụ, kể cả ranh giới giữa dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ phân phối khí tái hóa từ LNG, để tránh tính trùng khối lượng công việc và chi phí.

II. Đặc điểm kỹ thuật

1. Thông số về khí và điều kiện giao nhận

Stt	Thông số	Đơn vị hoặc nội dung thể hiện
1	Loại khí giao nhận	Khí thiên nhiên ở trạng thái khí
2	Thành phần khí	Hàm lượng các cấu tử chính, thể hiện bằng % mol hoặc % thể tích; ghi rõ cơ sở xác định.
3	Nhiệt trị toàn phần	MJ/Sm^3 hoặc đơn vị năng lượng tương đương; ghi rõ điều kiện quy chiếu.
4	Hàm lượng lưu huỳnh tổng	mg/Sm^3 hoặc đơn vị phù hợp với phương pháp xác định.
5	Hàm lượng hydro sulfua (H_2S)	ppmv hoặc mg/Sm^3; ghi rõ điều kiện quy chiếu khi sử dụng đơn vị mg/Sm^3.
6	Hàm lượng nitơ	% mol hoặc % thể tích.
7	Khối lượng riêng	kg/m^3; ghi rõ trạng thái khí hoặc lỏng và điều kiện nhiệt độ, áp suất tương ứng.
8	Áp suất tại điểm giao nhận	bar hoặc MPa; ghi rõ áp suất dư hoặc áp suất tuyệt đối.
9	Nhiệt độ tại điểm giao nhận	°C.
10	Sản lượng giao nhận	Khối lượng, thể tích hoặc năng lượng; đơn vị tương ứng là tấn, Sm^3, GJ, MMBtu hoặc đơn vị phù hợp khác.
11	Phương thức đo đếm, xác định chất lượng	Vị trí đo, hệ thống đo, phương pháp xác định sản lượng và chất lượng; phương pháp quy đổi về điều kiện quy chiếu.

2. Đặc điểm kỹ thuật của dịch vụ

Stt	Tên dịch vụ	Các thông số, đặc điểm kỹ thuật chủ yếu
1	Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống cho sản xuất điện	a) Điểm giao nhận đầu vào, điểm giao nhận đầu ra; chiều dài tuyến ống (km), đường kính ống (mm hoặc inch). b) Công suất vận chuyển thiết kế, công suất vận chuyển khả dụng (Sm^3/giờ, Sm^3/ngày hoặc đơn vị năng lượng tương đương). c) Áp suất, nhiệt độ thiết kế và phạm vi áp suất, nhiệt độ vận hành. d) Vật liệu đường ống, phương án chống ăn mòn và bảo vệ đường ống theo hồ sơ thiết kế, hồ sơ kỹ thuật. đ) Cấu hình trạm nén, trạm điều áp, trạm van và trạm đo đếm (nếu có). e) Hệ thống giám sát, điều khiển, phát hiện rò rỉ, dừng khẩn cấp và bảo đảm an toàn.
2	Dịch vụ phân phối khí thiên nhiên cho sản xuất điện	a) Điểm tiếp nhận khí, các điểm giao khí cho nhà máy điện; cấu hình mạng phân phối, chiều dài tuyến ống (km), đường kính ống (mm hoặc inch). b) Công suất phân phối thiết kế, công suất phân phối khả dụng của mạng và các trạm phân phối (Sm^3/giờ, Sm^3/ngày hoặc đơn vị năng lượng tương đương). c) Áp suất, nhiệt độ thiết kế; phạm vi áp suất, nhiệt độ vận hành và thông số khí tại các điểm giao nhận. d) Vật liệu đường ống, phương án chống ăn mòn và bảo vệ mạng phân phối theo hồ sơ thiết kế, hồ sơ kỹ thuật. đ) Cấu hình trạm phân phối, điều áp, gia nhiệt và đo đếm (nếu có); phương pháp xác định lưu lượng, sản lượng và nhiệt lượng khí giao nhận. e) Hệ thống giám sát, điều khiển, phát hiện rò rỉ, cô lập, dừng khẩn cấp và bảo đảm an toàn mạng phân phối.

Stt	Tên dịch vụ	Các thông số, đặc điểm kỹ thuật chủ yếu
3	Dịch vụ điều độ hệ thống khí	a) Phạm vi, sơ đồ hệ thống thuộc quyền điều độ; các nguồn cấp khí, điểm giao nhận, trạm và thiết bị được giám sát, điều khiển. b) Công suất thiết kế, công suất khả dụng và giới hạn lưu lượng tại các tuyến ống, trạm, điểm giao nhận thuộc phạm vi điều độ (Sm^3/giờ, Sm^3/ngày hoặc đơn vị năng lượng tương đương). c) Các thông số phục vụ điều độ: áp suất, nhiệt độ, lưu lượng, sản lượng, chất lượng khí và lượng khí tồn trong đường ống, giới hạn vận hành, ngưỡng cảnh báo tương ứng. d) Cấu hình hệ thống giám sát, điều khiển và thu thập dữ liệu (SCADA), thông tin liên lạc, phạm vi điều khiển từ xa, chu kỳ cập nhật và khả năng lưu trữ dữ liệu. đ) Phương thức lập, cập nhật kế hoạch giao nhận, cân đối khí và điều chỉnh dòng khí, chế độ trao đổi dữ liệu, phối hợp với nguồn cấp khí, đơn vị vận hành và điều độ hệ thống điện. e) Cấu hình dự phòng nguồn điện, thiết bị và kênh truyền, phương án duy trì điều độ, cảnh báo, phối hợp xử lý sự cố và bảo đảm an toàn thông tin.

III. Nguyên tắc xác định và thể hiện thông số

1. Các thông số tại Phụ lục này được sử dụng để mô tả đặc điểm kỹ thuật của dịch vụ tương ứng với cấu hình công trình, hệ thống hoặc phương tiện thực tế, không mặc nhiên là các giới hạn kỹ thuật áp dụng chung cho mọi hệ thống.

2. Giá trị cụ thể được xác định trên cơ sở hồ sơ thiết kế, hồ sơ kỹ thuật, tài liệu nghiệm thu, số liệu vận hành và hợp đồng cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Phân biệt công suất thiết kế, công suất khả dụng và sản lượng thực tế. Khi thể hiện công suất khả dụng, phải nêu điều kiện vận hành và thời kỳ xác định.

4. Khi sử dụng đơn vị Sm^3, phải ghi rõ nhiệt độ, áp suất quy chiếu và cơ sở xác định thể tích khí khô hoặc khí ẩm. Việc quy đổi khối lượng, thể tích và năng lượng phải thống nhất về điều kiện quy chiếu và phương pháp xác định.

5. Tiêu chuẩn áp dụng đối với vật liệu, thiết bị và công trình phải được xác định phù hợp với từng hạng mục; ghi rõ số hiệu, phiên bản trong hồ sơ kỹ thuật có liên quan.

6. Các chỉ tiêu đặc thù khác được thể hiện theo cấu hình công nghệ và yêu cầu giao nhận thực tế của từng dịch vụ.

Phụ lục II

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA CÁC DỊCH VỤ TỒN TRỮ, TÁI HÓA, VẬN CHUYỂN VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG CHO SẢN XUẤT ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Đặc điểm kinh tế

Stt	Tên dịch vụ	Phạm vi công việc cấu thành dịch vụ	Đặc điểm kinh tế cơ bản
1	Dịch vụ tồn trữ LNG cho sản xuất điện	Tiếp nhận LNG tại điểm giao nhận đầu vào của hệ thống tồn trữ; lưu trữ LNG trong bể chứa; xuất LNG tại điểm giao nhận đầu ra. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm vận hành hệ thống tiếp nhận, bể chứa và hệ thống xuất LNG; đo đếm, giám sát chất lượng LNG; thu gom, quản lý, xử lý khí bay hơi; kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và bảo đảm an toàn hệ thống.	Dịch vụ gắn với dung tích tồn trữ khả dụng và năng lực tiếp nhận, xuất LNG của hệ thống. Quy mô cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua dung tích hoặc khối lượng LNG tồn trữ, thời gian tồn trữ và sản lượng LNG tiếp nhận, xuất qua hệ thống. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào cấu hình kho, chế độ tiếp nhận, xuất LNG và phương án quản lý khí bay hơi.
2	Dịch vụ tái hóa LNG cho sản xuất điện	Tiếp nhận LNG tại điểm giao nhận đầu vào của hệ thống tái hóa; bơm, gia nhiệt để chuyển LNG từ thể lỏng sang thể khí; giao khí tái hóa tại điểm giao nhận đầu ra. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm vận hành hệ thống bơm, thiết bị hóa hơi và các công trình phụ trợ; điều chỉnh áp suất, nhiệt độ; đo đếm, giám sát chất lượng khí; kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và bảo đảm an toàn hệ thống.	Dịch vụ gắn với công suất tái hóa khả dụng và sản lượng khí tái hóa thực tế. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào công nghệ tái hóa, nguồn năng lượng sử dụng, chế độ vận hành, yêu cầu về áp suất, nhiệt độ và chất lượng khí tại điểm giao nhận đầu ra.

Stt	Tên dịch vụ	Phạm vi công việc cấu thành dịch vụ	Đặc điểm kinh tế cơ bản
3	Dịch vụ vận chuyển LNG cho sản xuất điện	Tiếp nhận LNG tại điểm giao nhận đầu vào; vận chuyển LNG ở trạng thái lỏng đến điểm giao nhận đầu ra bằng đường ống chuyên dụng hoặc phương tiện vận chuyển chuyên dụng. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm giao nhận, vận hành hệ thống hoặc phương tiện vận chuyển; đo đếm; kiểm soát điều kiện bảo quản LNG, quản lý khí bay hơi; kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển.	Dịch vụ được xác định theo phương thức vận chuyển, tuyến hoặc cự ly vận chuyển, năng lực vận chuyển và sản lượng LNG vận chuyển. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào điều kiện giao nhận, cấu hình hệ thống hoặc loại phương tiện, thời gian vận chuyển và yêu cầu duy trì LNG ở trạng thái lỏng.
4	Dịch vụ phân phối khí tái hoá từ LNG cho sản xuất điện	Tiếp nhận khí tái hóa từ LNG tại điểm giao nhận đầu vào của hệ thống phân phối và phân phối đến điểm giao nhận của bên sử dụng cho sản xuất điện. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm vận hành hệ thống phân phối, điều áp, đo đếm, giám sát chất lượng; kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và bảo đảm an toàn. Trường hợp có công đoạn tồn trữ, tái hóa hoặc vận chuyển trong chuỗi phân phối, phạm vi từng công đoạn được xác định rõ theo cấu hình hệ thống và thỏa thuận cung cấp dịch vụ.	Dịch vụ gắn với phạm vi mạng lưới phân phối, công suất cung cấp, sản lượng giao nhận và yêu cầu của bên sử dụng. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào số lượng điểm giao nhận, chế độ cấp khí, điều kiện vận hành và mức độ sử dụng hệ thống.

Stt	Tên dịch vụ	Phạm vi công việc cấu thành dịch vụ	Đặc điểm kinh tế cơ bản
5	Dịch vụ điều độ hệ thống khí	Lập và điều chỉnh kế hoạch giao nhận khí; theo dõi, phối hợp và điều hành dòng khí trên hệ thống đường ống để đáp ứng yêu cầu cấp khí cho sản xuất điện trong giới hạn vận hành của hệ thống. Các công việc cấu thành dịch vụ bao gồm tiếp nhận thông tin nguồn cung và nhu cầu sử dụng khí, cân đối cung cầu, giám sát thông số vận hành, điều phối lưu lượng, áp suất, phối hợp đơn vị vận hành hệ thống điện, phối hợp xử lý tình huống bất thường và tổng hợp số liệu phục vụ điều độ…	Dịch vụ có tính liên tục và phối hợp trên toàn bộ hệ thống thuộc phạm vi điều độ, gắn với trung tâm điều khiển, hệ thống thông tin, giám sát và thu thập dữ liệu vận hành. Quy mô cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua công suất hệ thống, sản lượng khí và số lượng điểm giao nhận thuộc phạm vi điều độ. Đặc điểm cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào mức độ liên kết hệ thống, biến động nguồn cung và phụ tải điện, yêu cầu cân đối khí và độ tin cậy vận hành.

II. Đặc điểm kỹ thuật

1. Thông số về khí và điều kiện giao nhận

Stt	Thông số	Đơn vị hoặc nội dung thể hiện
1	Loại khí giao nhận	LNG hoặc khí tái hóa từ LNG, tùy dịch vụ và điểm giao nhận.
2	Thành phần khí	Hàm lượng các cấu tử chính, thể hiện bằng % mol hoặc % thể tích; ghi rõ cơ sở xác định.
3	Nhiệt trị toàn phần	MJ/kg đối với LNG hoặc MJ/Sm^3 đối với khí tái hóa, hoặc đơn vị tương đương. Ghi rõ điều kiện quy chiếu khi sử dụng đơn vị theo thể tích.
4	Hàm lượng lưu huỳnh tổng	mg/Sm^3 hoặc đơn vị phù hợp với phương pháp xác định.
5	Hàm lượng hydro sulfua (H_2S)	ppmv hoặc mg/Sm^3; ghi rõ điều kiện quy chiếu khi sử dụng đơn vị mg/Sm^3.
6	Hàm lượng nitơ	% mol hoặc % thể tích.
7	Khối lượng riêng	kg/m^3; ghi rõ trạng thái khí hoặc lỏng và điều kiện nhiệt độ, áp suất tương ứng.
8	Áp suất tại điểm giao nhận	bar hoặc MPa; ghi rõ áp suất dư hoặc áp suất tuyệt đối.
9	Nhiệt độ tại điểm giao nhận	°C.
10	Sản lượng giao nhận	Khối lượng, thể tích hoặc năng lượng; đơn vị tương ứng là tấn, Sm^3, GJ, MMBtu hoặc đơn vị phù hợp khác.
11	Phương thức đo đếm, xác định chất lượng	Vị trí đo, hệ thống đo, phương pháp xác định sản lượng và chất lượng; phương pháp quy đổi về điều kiện quy chiếu.

2. Đặc điểm kỹ thuật của từng dịch vụ

Stt	Tên dịch vụ	Các thông số, đặc điểm kỹ thuật chủ yếu
1	Dịch vụ tồn trữ LNG cho sản xuất điện	a) Điểm giao nhận đầu vào, điểm giao nhận đầu ra; phương thức tiếp nhận và xuất LNG. b) Loại bể chứa; số lượng bể; dung tích thiết kế và dung tích tồn trữ khả dụng (m^3 hoặc tấn). c) Công suất tiếp nhận, xuất LNG (m^3/giờ hoặc tấn/giờ). d) Áp suất, nhiệt độ thiết kế và phạm vi áp suất, nhiệt độ vận hành. đ) Vật liệu, kết cấu bể và hệ thống cách nhiệt theo hồ sơ thiết kế, hồ sơ kỹ thuật. e) Tỷ lệ bay hơi tự nhiên theo thiết kế (%/ngày), kèm điều kiện xác định. g) Công suất và phương án thu gom, quản lý, xử lý khí bay hơi. h) Hệ thống đo mức, đo nhiệt độ, đo áp suất; cảnh báo, phát hiện rò rỉ, phòng cháy, chữa cháy và dừng khẩn cấp.
2	Dịch vụ tái hóa LNG cho sản xuất điện	a) Điểm giao nhận LNG đầu vào và điểm giao nhận khí tái hóa đầu ra. b) Công nghệ, nguồn nhiệt sử dụng và cấu hình hệ thống tái hóa. c) Công suất tái hóa thiết kế, công suất tái hóa khả dụng; phạm vi điều chỉnh công suất (Sm^3/giờ, Sm^3/ngày hoặc đơn vị năng lượng tương đương). d) Áp suất, nhiệt độ LNG đầu vào; áp suất, nhiệt độ và chất lượng khí tái hóa đầu ra. đ) Cấu hình, công suất hệ thống bơm và thiết bị hóa hơi. e) Mức tiêu hao điện, nhiên liệu và các tiện ích khác theo hồ sơ kỹ thuật hoặc số liệu vận hành, gắn với đơn vị sản lượng tái hóa. g) Hệ thống đo đếm, giám sát, điều khiển và bảo đảm an toàn.
3	Dịch vụ vận chuyển LNG cho sản xuất điện	a) Điểm giao nhận đầu vào, điểm giao nhận đầu ra; phương thức, tuyến và cự ly vận chuyển. b) Công suất vận chuyển thiết kế, công suất vận chuyển khả dụng hoặc sức chở của phương tiện (m^3, tấn, m^3/giờ hoặc tấn/giờ, tùy phương thức vận chuyển). c) Đối với đường ống: chiều dài, đường kính, vật liệu, áp suất và nhiệt độ thiết kế, điều kiện vận hành, hệ thống cách nhiệt.

Stt	Tên dịch vụ	Các thông số, đặc điểm kỹ thuật chủ yếu
		d) Đối với phương tiện chuyên dụng: loại phương tiện, dung tích hoặc khối lượng chuyên chở, điều kiện bảo quản LNG và năng lực giao nhận. đ) Phương án quản lý khí bay hơi, kiểm soát áp suất, nhiệt độ trong quá trình vận chuyển. e) Hệ thống đo đếm, giám sát, phát hiện rò rỉ và bảo đảm an toàn phù hợp với phương thức vận chuyển.
4	Dịch vụ phân phối LNG cho sản xuất điện	a) Điểm tiếp nhận, các điểm giao nhận và phạm vi hệ thống phân phối. b) Trạng thái sản phẩm giao nhận: LNG hoặc khí tái hóa từ LNG. c) Công suất phân phối thiết kế, công suất phân phối khả dụng và phạm vi điều chỉnh lưu lượng. d) Áp suất, nhiệt độ và chất lượng sản phẩm tại các điểm giao nhận. đ) Cấu hình mạng lưới, trạm điều áp, trạm đo đếm và các công trình phụ trợ. e) Các thông số của công đoạn tồn trữ, tái hóa hoặc vận chuyển (nếu có) được mô tả tương ứng với từng công đoạn trong Phụ lục này. g) Hệ thống giám sát, điều khiển và bảo đảm an toàn.
5	Dịch vụ điều độ hệ thống khí	a) Phạm vi, sơ đồ hệ thống thuộc quyền điều độ; các nguồn cấp khí, điểm giao nhận, trạm và thiết bị được giám sát, điều khiển. b) Công suất thiết kế, công suất khả dụng và giới hạn lưu lượng tại các tuyến ống, trạm, điểm giao nhận thuộc phạm vi điều độ (Sm^3/giờ, Sm^3/ngày hoặc đơn vị năng lượng tương đương). c) Các thông số phục vụ điều độ: áp suất, nhiệt độ, lưu lượng, sản lượng, chất lượng khí và lượng khí tồn trong đường ống, giới hạn vận hành, ngưỡng cảnh báo tương ứng. d) Cấu hình hệ thống giám sát, điều khiển và thu thập dữ liệu (SCADA), thông tin liên lạc, phạm vi điều khiển từ xa, chu kỳ cập nhật và khả năng lưu trữ dữ liệu. đ) Phương thức lập, cập nhật kế hoạch giao nhận, cân đối khí và điều chỉnh dòng khí, chế độ trao đổi dữ liệu, phối hợp với nguồn cấp khí, đơn vị vận hành và điều độ hệ thống điện. e) Cấu hình dự phòng nguồn điện, thiết bị và kênh truyền, phương án duy trì điều độ, cảnh báo, phối hợp xử lý sự cố và bảo đảm an toàn thông tin.

III. Nguyên tắc xác định phạm vi dịch vụ và thể hiện thông số

1. LNG là khí thiên nhiên hóa lỏng. Khí tái hóa từ LNG là khí thiên nhiên thu được sau quá trình hóa hơi LNG.

2. Phạm vi từng dịch vụ được xác định theo điểm giao nhận đầu vào, điểm giao nhận đầu ra và công việc thuộc trách nhiệm của bên cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

3. Các hoạt động vận hành, đo đếm, giám sát chất lượng, quản lý an toàn, bảo dưỡng và sửa chữa là công việc cấu thành dịch vụ tương ứng. Quản lý khí bay hơi là công việc cấu thành dịch vụ LNG có phát sinh khí bay hơi.

4. Trường hợp cung cấp kết hợp các dịch vụ cần xác định rõ phạm vi công việc của từng dịch vụ, kể cả ranh giới giữa dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ phân phối khí tái hóa từ LNG, để tránh tính trùng khối lượng công việc và chi phí.

5. Các thông số tại Phụ lục này được sử dụng để mô tả đặc điểm kỹ thuật của dịch vụ tương ứng với cấu hình công trình, hệ thống hoặc phương tiện thực tế, không mặc nhiên là các giới hạn kỹ thuật áp dụng chung cho mọi hệ thống.

6. Giá trị cụ thể được xác định trên cơ sở hồ sơ thiết kế, hồ sơ kỹ thuật, tài liệu nghiệm thu, số liệu vận hành và hợp đồng cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

7. Phân biệt công suất thiết kế, công suất khả dụng và sản lượng thực tế. Khi thể hiện công suất khả dụng, phải nêu điều kiện vận hành và thời kỳ xác định.

8. Khi sử dụng đơn vị Sm^3, phải ghi rõ nhiệt độ, áp suất quy chiếu và cơ sở xác định thể tích khí khô hoặc khí ẩm. Việc quy đổi khối lượng, thể tích và năng lượng phải thống nhất về điều kiện quy chiếu và phương pháp xác định.

9. Tiêu chuẩn áp dụng đối với vật liệu, thiết bị và công trình phải được xác định phù hợp với từng hạng mục; ghi rõ số hiệu, phiên bản trong hồ sơ kỹ thuật có liên quan.

10. Các chỉ tiêu đặc thù khác được thể hiện theo cấu hình công nghệ và yêu cầu giao nhận thực tế của từng dịch vụ.